

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/DS-ST

Ngày: 08/9/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp
hụi*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Út;
2. Ông Kiều Công Trường.

- Thư ký phiên tòa: bà Ngô Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham dự phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đoàn Thị Cẩm N, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: X, lộ số Y, phường K, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1955;

Địa chỉ: ấp P, xã TA, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: bà Huỳnh Thị H (Bé B1), sinh năm: 1957;

Địa chỉ: ấp H1, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Võ Văn N1 (Tư N1), sinh năm: 1956;

Địa chỉ: ấp H1, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Bà M, bà H và ông N1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Chị N có tham gia chơi 01 dây hụi do bà Huỳnh Thị H làm chủ hụi. Cụ thể: hụi khai ngày 25/8/2018 (âm lịch), hụi 1.000.000 đồng, có 21 phần mỗi tháng khai một lần, chị N tham gia 02 phần. Chị N đóng hụi đến tháng 11/2019 (âm lịch) thì ngưng không đóng hụi nữa do bà H tuyên bố vỡ hụi. Tổng cộng chị N đóng được 15 tháng, mỗi tháng đóng 1.600.000 đồng nên tổng số tiền hụi chị N đã đóng cho bà H là 24.000.000 đồng.

Nay, chị N khởi kiện yêu cầu bà H, ông N1 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền hụi còn nợ là 24.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Do bà M đã lớn tuổi, đi lại khó khăn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, không có khiếu nại về sau.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Bắc, bị đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:

Bà làm chủ hụi dây hụi chị N tham gia. Hụi 1.000.000 đồng, chị N tham gia 02 phần, đã đóng cho bà H 18 tháng hụi sống, tính ra chị N đã đóng cho bà được 36.000.000 đồng. Đến ngày 27/02/2020 (âm lịch), bà H bị vỡ hụi. Sau đó bà H và chị N tính lại tiền nợ hụi, chị N tính tiền vốn cho bà H và bà còn nợ chị N tiền hụi là 24.000.000 đồng. Bà có viết giấy nhận nợ cho chị N số tiền nợ này. Chị N không yêu cầu tính lãi bà đồng ý. Cách trả nợ thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Do chồng bà H là ông N1 bị bệnh, sức khỏe chưa ổn định còn đang uống thuốc, bà không đến dự các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, bà H không có khiếu nại về sau.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Bắc, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn N1 trình bày:

Ông Võ Văn N1 (Tư N1) là chồng của bà H. Ông N1 đồng ý với lời trình bày của bà H và đồng ý cùng với bà H có trách nhiệm liên đới trả cho chị N số tiền nợ hụi là 24.000.000 đồng. Chị N không yêu cầu tính lãi ông đồng ý.

Do ông đang bị bệnh, sức khỏe chưa ổn định nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; ông không khiếu nại về sau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mô Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biếu, phường.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Cẩm N. Buộc bà Huỳnh Thị H, ông Võ Văn N1 liên đới trả cho chị N số tiền hụi là 24.000.000 đồng. Ghi nhận chị N

không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 11/3/2022, chị Đoàn Thị Cẩm N khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị H, ông Võ Văn N1 có trách nhiệm liên đới trả số tiền hui là 24.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 17 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về hui, họ, biêu, phường. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M; bị đơn bà Huỳnh Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn N1 có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tiến hành xét xử vắng mặt bà M, bà H, ông N1 là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu của chị N yêu cầu bà H, ông N1 có trách nhiệm liên đới trả số tiền 24.000.000 đồng:

Theo bà M, đại diện cho chị N: chị N có tham gia chơi 01 dây hui do bà H làm chủ hui. Hui khai ngày 25/8/2018 (âm lịch), hui 1.000.000 đồng, có 21 phần mỗi tháng khai một lần, chị N tham gia 02 phần. Chị N đóng hui đến tháng 11/2019 (âm lịch) thì ngưng không đóng hui nữa do bà H tuyên bố vỡ hui. Tổng cộng chị N đóng được 15 tháng, mỗi tháng đóng 1.600.000 đồng. Tổng số tiền hui chị N đã đóng cho bà H là 24.000.000 đồng đến nay chưa trả cho chị. Chứng cứ chứng minh là tờ “Giấy nợ” ngày 18/3 âm lịch năm 2022 (bản chính); tờ “Hui một triệu” (bản sao không có chứng thực), ngoài ra không còn chứng cứ nào khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/8/2022, bà H thừa nhận có nợ của chị N số tiền hui là 24.000.000 đồng. Bà H đồng ý trả cho chị N số tiền nợ nêu trên. Bà H, ông N1 không cung cấp chứng cứ cho Tòa án.

Xét thấy, chị N và bà H đã thống nhất được số tiền còn nợ. Bà H thừa nhận và đồng ý trả tiền nợ hui cho chị N là 24.000.000 đồng nên ghi nhận. Yêu cầu của chị N là có căn cứ nên được chấp nhận. Bà H có trách nhiệm trả cho chị N số tiền là 24.000.000 đồng phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hui, họ, biêu, phường.

Chị N yêu cầu bà H trả lại cho chị số tiền vốn nêu trên mà không yêu cầu tính lãi nên được ghi nhận.

Chị N yêu cầu ông N1, là chồng của bà H, có trách nhiệm liên đới cùng với bà H trả cho chị số tiền nợ hui 24.000.000 đồng nêu trên. Đối với yêu cầu của chị N, ông

N1 đồng ý nên ghi nhận. Ông N1 phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà H trả cho chị N số tiền nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] *Về án phí*: do bà H, ông N1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17, 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về hội, họ, biểu, phường; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Huỳnh Thị H (Bé B1) và ông Võ Văn N1 (Tur N1) phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị Đoàn Thị Cẩm N số tiền nợ hội là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng).

Ghi nhận chị Đoàn Thị Cẩm N không yêu cầu tính lãi.

2. Về án phí: bà Huỳnh Thị H (Bé B1) và ông Võ Văn N1 (Tur N1) được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Đoàn Thị Cẩm N số tiền tạm ứng án phí là 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005017 ngày 18/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THA DS huyện B;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Minh Trung